

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 119/2019/HSST.

Ngày: 08 - 10 - 2019.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Duôi + ông Nhữ Quang Hưng.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2019/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST – HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Quàng Văn K; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1987 tại huyện Thuận Châu, Sơn La; nơi cư trú: Bản N, xã C P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn M, sinh năm 1960 và bà Tòng Thị T, sinh năm: 1960; có vợ là Lương Thị T, sinh năm 1997 và có 02 con (Lớn 6 tuổi, nhỏ 5 tuổi); tiền án: không có; tiền sự: có 01 tiền sự (Ngày 17/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; nhân thân: Ngày 14/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt 05 tháng 12 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản. Trong vụ án này bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn N; tên gọi khác: Không; sinh năm 1989 tại huyện Thuận Châu, Sơn La; nơi cư trú: Bản N , xã C P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn Q, (Đã chết) và bà Quàng Thị S, sinh năm: 1954; vợ là Lò Thị H, sinh năm: 1985 và có 02 con (lớn 5 tuổi, nhỏ 4 tuổi); tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 21/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa

3. Lò Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1992 tại huyện Thuận Châu, Sơn La; nơi cư trú: Bản N , xã C P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn L, sinh năm: 1966 và bà Quàng Thị T, sinh

năm: 1966; vợ là Cà Thị H, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn 6 tuổi, nhỏ 4 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 21/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Quảng Văn L, sinh năm: 1993, trú tại: Đội 7- xã M B - huyện Tủa Chùa - Điện Biên (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 04/4/2019, Quảng Văn K, sinh năm: 1987 đến nhà Quảng Văn N, sinh năm: 1989, tiếp đó K gọi điện cho Lò Văn T, sinh năm: 1992 (K, N và T cùng ở bản N, xã C P, huyện Thuận Châu) bảo T đến nhà N nói chuyện. Khi cả 03 gặp nhau thì K bàn với N và T tìm cách lừa đảo chiếm đoạt tiền của phụ xe khách Đức Quyền (Chạy tuyến Điện Biên - Hà Nội), N và T đồng ý. Cả ba thống nhất cách thức lừa đảo như sau: Các đối tượng sẽ giả làm khách đón xe từ huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến thành phố Hà Nội để đi làm thuê, nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có tiền chi tiêu nên sau khi lên xe sẽ ứng tiền của phụ xe để chi tiêu trước và hứa khi đến Hà Nội thì ông chủ thuê người làm sẽ ra trả khoản tiền ứng trước và tiền vé xe cho phụ xe. Trường hợp phụ xe cần kiểm tra thông tin thì các đối tượng sẽ cho số điện của ông chủ để phụ xe liên lạc và thực chất chính là số điện thoại của T. T có nhiệm vụ giả làm ông chủ, hứa sẽ trả 02 khoản tiền các đối tượng ứng chi tiêu trước và tiền vé xe cho phụ xe. Sau khi các đối tượng nhận được tiền từ phụ xe thì sẽ lợi dụng lúc xe khách dừng nghỉ ăn cơm dọc đường để xuống khỏi xe bỏ trốn. K phân công nhiệm vụ cho T cùng với K mỗi người chuẩn bị một túi xách, bên trong để quần áo cũ, gạch, đá để giả làm hành lý, K là người trực tiếp liên hệ với phụ xe Đức Quyền để xin ứng tiền, T chuẩn bị xe máy làm phương tiện chở K và N đến khu vực Thị trấn Thuận Châu để đón xe khách sau đó giả làm ông chủ thuê người làm hứa trả tiền phụ xe nếu phụ xe gọi vào số điện thoại của T; N được giao nhiệm vụ trực tiếp lên xe cùng với K sau đó đặt vấn đề ứng và nhận tiền từ phụ xe.

Khoảng 19 giờ ngày 04/4/2019, K gọi điện bảo N và T cùng đi đến thị trấn Thuận Châu theo kế hoạch đã bàn, T sử dụng xe máy của mình chở K và N đi đến khu vực Công viên thị trấn Thuận Châu, khi tới nơi thì K dùng điện thoại cho phụ xe Đức Quyền (Chiều Điện Biên – Hà Nội) là có 02 khách đón xe đi Hà Nội tại Công Viên thị trấn Thuận Châu . Khoảng 30 phút sau xe khách đến khu vực Công viên thị trấn Thuận Châu, tuy nhiên do quá lo sợ nên T đã nói dối K và N là mình quen biết phụ xe khách này nếu cả bọn tiếp tục thực hiện sẽ bị phát hiện nên K, N và T cùng nhau bỏ về nhà.

Tiếp vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày hôm sau (05/4/2019), K lại rủ T và N thực hiện kế hoạch đã bàn. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, K trực tiếp đến nhà N và Tsau đó cả 03 đối tượng đi xuống thị trấn Thuận Châu, T điều khiển xe máy (Loại xe Wave, không có BKS) chở K và N mang theo 02 túi xách đã chuẩn bị từ trước đến trước cửa quán Karaoke Sao Băng, thuộc địa phận Tiểu khu 3, Thị trấn

Thuận Châu thì dừng lại để đón xe khách. K và N ở lại đó đón xe khách còn T thì điều khiển xe máy theo hướng Sơn La – Hà Nội, sau đó dừng chờ tại đoạn ngã ba xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu (Điểm xe khách thường dừng để khách ăn cơm ngang đường - Quán cơm 27A) trong lúc chờ K và N thì Tiếng còn có nhiệm vụ giả làm ông chủ hứa trả tiền K + N ứng trước nếu phụ xe gọi tới. Tiếp đó K gọi điện thoại cho phụ xe Đức Quyền đón 02 khách đi Hà Nội tại khu vực cửa quán Karaoke Sao Băng thị trấn Thuận Châu đồng thời đặt vấn đề xin ứng số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và được phụ xe khách Đức Quyền đồng ý. Sau khoảng 30 phút thì xe khách mang BKS: 27B - 003.76 tới dừng đỗ trước cửa quán Sao Băng, K và N mang theo mỗi người 01 túi xách lên xe. Sau khi lên xe K bảo N trao đổi với phụ xe để ứng tiền còn K thì nhận giường và đi nằm, N đi gặp phụ xe là anh anh Quàng Văn L (Sinh năm: 1993, trú tại: Đội 7- xã M B - huyện Tủa Chùa - Điện Biên) đặt vấn đề xin ứng trước số tiền như nội dung K đã trao đổi trước với anh L qua điện thoại, cụ thể như sau: Tổng số tiền ông chủ thuê người làm phải thanh toán cho phụ xe tại bến xe Yên Nghĩa – Hà Nội đối với 02 khách là: 3.900.000đ, trong đó có 3.500.000đ là tiền ứng trước để chi tiêu và 400.000đ là tiền vé xe, đồng thời N cho anh L số điện thoại của ông chủ thuê người làm là số của T. Nếu cần kiểm tra thì đề nghị anh L gọi vào số đó. Sau khi nghe N đặt vấn đề như vậy thì anh L đã gọi vào số điện thoại của T và được T xác nhận và hứa với L khi xe khách xuống đến bến xe Yên Nghĩa - Hà Nội sẽ nhận người và trả tiền do khách ứng trước cùng tiền vé xe cho anh L. Do tin tưởng lời nói của N và lời hứa của T nên anh L đã đồng ý lấy tiền cá nhân của anh L đưa cho N ứng trước 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), khoản tiền vé thì sẽ lấy sau tại bến xe Yên Nghĩa do ông chủ thuê người làm trả cùng tiền ứng trước. Nhận được tiền từ anh L xong thì N đến nằm cạnh K thông báo với K là đã lấy được tiền từ phụ xe. Khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày xe khách BKS: 27B - 003.76 dừng đỗ tại quán cơm 27A thuộc địa phận bản Phiêng Bông, xã Muối Nọi, Thuận Châu (Cách vị trí các đối tượng lên xe khoảng 20 Km) để cho hành khách ăn cơm. Lúc này K và N đã thực hiện đúng kế hoạch đã bàn bạc đó là lợi dụng lúc lái, phụ xe và hành khách đi ăn cơm thì N và K bỏ lại 02 túi hành lý trên xe đi bộ ngược về hướng Thị trấn Thuận Châu nơi T đang đợi sau đó cả 03 cùng đi trên chiếc xe máy của T về nhà. Trên đường về đến đoạn cây xăng tại bản Nhộp, xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu thì dừng lại để chia tiền. K lấy số tiền 3.500.000đ do N đưa chia cho mọi người như sau: K chia cho N 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), chia cho T 700,000đ (Bảy trăm nghìn đồng) và tự chia cho mình 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi chia xong khoản tiền vừa chiếm đoạt được của anh L thì T điều khiển xe máy chở K và N về nhà.

Ngày 09/4/2019 bị hại là anh Quàng Văn L có đơn trình báo đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu điều tra làm rõ vụ việc; ngày 09/4/2019 anh L đã giao nộp các vật chứng liên quan đến vụ án gồm:

- Một túi xách hai quai, chất liệu vải, nhãn hiệu Bolisi có chiều dài 45 cm, rộng 20 cm, túi có ngăn, bên trong có 6 bộ quần áo rách, bẩn, cũ, đã qua sử dụng.

- Một túi xách hai quai, chất liệu nylon, nhãn hiệu camate, rộng 20cm, dài 47 cm, cao 34 cm, túi 01 ngăn, bên trong có chứa gạch đá, vải, rác bẩn.

Quá trình điều tra: Ngày 17/6/2019 các đối tượng Quảng Văn K, Quảng Văn N và Lò Văn T đã được triệu tập đến trụ sở cơ quan Điều tra Công an huyện Thuận Châu để làm rõ. Quá trình điều tra các đối tượng đã thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Quảng Văn L vào đêm mùng 05/4/2019 như đã nêu ở trên.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra cho đến trước khi mở phiên tòa các bị cáo Quảng Văn K, Quảng Văn N và Lò Văn T đã tự nguyện bồi toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho anh Quảng Văn L là 3.500.000.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm. Do vậy không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số: 111/CT - VKS ngày 27/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố các bị can Quảng Văn K, Quảng Văn N và Lò Văn T về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản luật áp dụng như trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174 – các điểm b, s khoản 1 Điều 51- khoản 2 Điều 51 - Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Quảng Văn K mức án từ 30 đến 36 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 22/6/2019 (Ngày bắt giữ bị cáo).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174 – các điểm b, s khoản 1 Điều 51- khoản 2 Điều 51 - Điều 38, 58 – khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Quảng Văn N mức án từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo , Lò Văn T từ 24 đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên trả tự do cho các bị cáo Quảng Văn N và Lò Văn T ngay tại phiên tòa, nếu như các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

* Giao các bị cáo Quảng Văn N và Lò Văn T cho UBND xã C P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự đối với 03 bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với bị hại về việc các bị cáo đã tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại, với tổng số tiền là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách hai quai, chất liệu vải nhãn hiệu Bolisi có chiều dài 45cm, rộng 20cm, túi có ngăn bên trong có 06 bộ quần áo đã qua sử dụng và 01 túi xách hai quai chất liệu nylon, nhãn hiệu Camate, rộng 20 cm, dài 47cm, cao 34cm, túi có 01 ngăn bên trong có chứa gạch, đá, vải, rác bẩn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; để miễn cho các bị cáo không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Quảng Văn K có ý kiến: Thừa nhận ngày 05/4/2019 đã rủ rê các bị cáo N và T dùng thủ đoạn ứng tiền của phụ xe khách để chiếm đoạt 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) của anh L, với mục đích tiêu xài cá nhân. Nay bị cáo đã biết tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn, hối lỗi bằng việc tự nguyện liên đới bồi thường tài sản chiếm đoạt cho bị hại; được bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Quảng Văn N, Lò Văn T có ý kiến: Thừa nhận ngày 05/4/2019 đã cùng với bị cáo Kim dùng thủ đoạn ứng tiền của phụ xe khách để chiếm đoạt số tiền 3.500.000đ của anh L, với mục đích tiêu xài cá nhân. Nay các bị cáo đã biết tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc các bị cáo phạm tội lần đầu; ăn năn, hối lỗi; tích cực tự nguyện liên đới bồi thường toàn bộ tài sản chiếm đoạt cho bị hại; được bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt mà giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại xin vắng mặt bị hại là anh L có ý kiến: Toàn bộ số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 3.500.000đ các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong, nay không yêu cầu gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả 03 bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại cùng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 05/4/2019, tại địa phận huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, các bị cáo Quảng Văn K, Quảng Văn N và Lò Văn T đã thực hiện hành vi dùng

thủ đoạn gian dối (Ứng tiền phụ xe khách) để chiếm đoạt của anh Quảng Văn L số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chia nhau tiêu xài cá nhân. Tòa án xét thấy bản thân các bị cáo là những người có đủ nhận thức pháp luật để nhận biết hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại về thủ đoạn gian dối; phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo Quảng Văn K, Quảng Văn N, Lò Văn T đã phạm vào tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như Cáo trạng truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 174 - BLHS quy định:

“ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi tội phạm các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội địa phương. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đồng thời cũng là để giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người công dân thực sự có ích cho xã hội. Áp dụng khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ 02 năm đến 07 tù năm là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật về tội phạm và hình phạt.

[4] Trong vụ án các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo K giữ vai trò tổ chức, chủ mưu, cầm đầu chỉ huy các bị cáo N và T thực hiện tội phạm; các bị cáo N và T giữ vai trò đồng phạm giúp sức trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần áp dụng Điều 17 và 58 Bộ luật hình sự; để đánh giá tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án làm căn cứ quyết định hình phạt.

[5] Tình tiết nhân thân: Bị cáo Quảng Văn K sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 05/4/2019 thì ngày 17/4/2019 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đã từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản (bản án số: 01/2016/HSST ngày 14/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn

La) mặc dù tính đến thời điểm phạm tội trong vụ án này đã được xóa án tích. Do vậy cần áp dụng điều 50 Bộ luật hình sự; xác định bị cáo là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo cùng có thái độ thành khẩn khai báo; ăn năn hối lỗi; tích cực liên đới tự nguyện bồi thường toàn bộ tài sản chiếm đoạt cho bị hại; được bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy được xem xét áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét các bị cáo Quàng Văn N và Lò Văn T trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt; có thái độ ăn năn hối cải; được chính quyền địa phương đồng thuận cho được cải tạo tại địa phương. Do đó cần áp dụng nguyên tắc khoan hồng đối với các bị cáo phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bằng việc cho hưởng các bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[8] Bị cáo Quàng Văn K đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; để đảm bảo biện pháp thi hành án phạt tù.

[9] Các bị cáo Quàng Văn N và Lò Văn T đang bị tạm giam, cần áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; để tuyên trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu như các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

[10] Đối với hình phạt bổ sung là phạt quy định tại khoản 5 của Điều 174 Bộ luật hình sự; Căn cứ vào biên bản xác minh do cơ quan Điều tra lập thể hiện các bị cáo cùng thuộc hộ gia đình nghèo. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không áp dụng.

[11] Trách nhiệm dân sự: Do trước thời điểm mở phiên tòa giữa bị hại và các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận xong và nội dung thỏa thuận là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và tại đơn xin vắng mặt bị hại (Anh L) không yêu cầu gì thêm, do vậy không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[12] Xử lý vật chứng:

- Đối với số vật chứng gồm 02 túi xách bên trong có chứa quần áo cũ và gạch đá, vải, rác bẩn các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội xét không có giá trị sử dụng. Cần áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; để tuyên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với chiếc xe máy bị cáo Tiếng liên quan đến hành vi phạm tội, kết quả điều tra xác định: Xe có nguồn gốc do bị cáo mua ở cửa hàng phế liệu, sau khi phạm tội đã bán cho người không quen biết với giá phế liệu và cơ quan Điều tra đã không thu hồi được. Do vậy tại phiên tòa không đặt ra vấn đề xử lý.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động các bị cáo K và T sử dụng để liên lạc trong vụ án. Kết quả điều tra xác định sau khi phạm tội các bị cáo đã vứt bỏ và cơ quan Điều tra cũng không thể thu hồi được. Do vậy tại phiên tòa không đặt ra vấn đề xử lý.

[13] Đối với tình tiết các bị cáo tự ý nữa chừng chấm dứt hành vi phạm tội vào đêm mùng 04/4/2019. Căn cứ vào kết quả điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: Do lần đầu chuẩn bị phạm tội bị cáo T quá lo sợ nên đã nói dối bị cáo K và N là quen biết phụ xe khách nếu tiếp tục thực hiện sẽ bị phát giác do vậy K, N và T đã bỏ về nhà. Xét hành vi nêu trên của các bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập. Do vậy cơ quan Điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ theo quy định tại các Điều 14 và Điều 16 Bộ luật hình sự.

[14] Các bị cáo cùng thuộc hộ gia đình nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[15] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo, theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Quảng Văn K, Quảng Văn N và Lò Văn T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174 – các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Quảng Văn K 36 (Ba Mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 22/6/2019 (Ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Tiếp tục tạm giam bị cáo Quảng Văn K trong thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo biện pháp thi hành án phạt tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174 – các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 - Điều 38, 58, 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Quảng Văn N 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 54 (Năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án (08/10/2019).

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 54 (Năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án (08/10/2019).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên trả tự do cho các bị cáo Quảng Văn N và Lò Văn T ngay tại phiên tòa, nếu như các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

* Giao các bị cáo Quảng Văn N và Lò Văn T cho UBND xã C P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Trong thời gian thử thách, nếu người được án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết

định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 túi xách hai quai, chất liệu vải, nhãn hiệu Bolisi có chiều dài 45cm, rộng 20cm, túi có ngăn, bên trong có 06 bộ quần áo, rách, bẩn, cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 túi xách hai quai chất liệu nilon, nhãn hiệu Camate, có chiều dài 47cm, chiều rộng 20 cm, cao 34cm. Túi có 01 ngăn, bên trong có chứa gạch, đá, vải, rác bẩn.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Miễn cho các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn N và Lò Văn T không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn N và Lò Văn T biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Báo cho bị hại là anh Quàng Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục tố tụng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- Trại giam;
- UBND xã C P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kỳ Việt